

Bản án số: **02/2019/HC-PT**

Ngày: 07-01-2019

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thúy Cầu**

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Thanh Long

Ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hải Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 237/2018/TLPT-HC ngày 19-10-2018 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 32/2018/HC-ST ngày 28-8-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 237/2018/QĐXXPT-HC ngày 12-11-2018 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Khối phố H, phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H, Luật sư, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người bị kiện:

+ Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đình Văn Th**- Chức vụ: Chủ tịch

ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Trí Th1**- Chức vụ: Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Quảng Nam. (Văn bản ủy quyền số 743/UBND-NC ngày 21-12-2018). **Có đơn xin vắng mặt.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Trần Thanh H1**, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin vắng mặt.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần U** - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Minh H2**- Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 (Văn bản ủy quyền số 1999/UBND ngày 14-11-2018). **Có mặt.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Lê Văn C, Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam. **Có mặt.**

- Ông Đinh Hùng L, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam. **Có mặt.**

+ Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần U** Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Minh D**- Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 (Văn bản ủy quyền số 664/UBND ngày 23-4-2018). **Vắng mặt.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Lê Văn C, Trưởng phòng Tài nguyên- Môi trường thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam. **Có mặt.**

- Ông Đinh Hùng L, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam. **Có mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của người khởi kiện bà Phạm Thị N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 1997, bà nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn L1 và bà Phạm Thị H2 một lô đất có diện tích 505 m² với giá 9,5 chỉ vàng. Khu đất của bà N có ranh giới rõ ràng với các hộ lân cận. Bà đã sử dụng lô đất nói trên để làm nhà ở, trồng cây lâu năm và sử dụng ổn định cho đến nay không có tranh chấp với ai. Đến năm 2000 Ủy ban nhân dân xã Đ có chủ trương phân thửa đất của bà đang sử dụng thành 02 lô (Mỗi lô có diện tích 200 m²) theo đó mỗi lô đất người sử dụng phải nộp 2.000.000 đồng để hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, Vào ngày 16-5-2001 bà nộp cho Ban nhân dân thôn 2.000.000 đồng và ngày 27-12-2002 bà nộp cho Ủy ban nhân dân xã Đ 2.000.000 đồng. Tổng cộng 4.000.000 đồng.

Đến ngày 30-12-2003 Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N nhưng chỉ cấp 200 m² đất ở tại thửa 437/5, tờ bản đồ số 7, diện tích đất còn lại chưa được cấp cùng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đúng diện tích đất bà đang sử dụng nên bà làm đơn khiếu nại gửi đến Ủy ban nhân dân xã Đ và Ủy ban nhân dân thị xã Đ1. Đến ngày 01-9-2010 Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 có công văn số 726/UBND về việc giữ nguyên hiện trạng đất mà bà Phạm Thị N sử dụng. Tại Công văn 726/UBND thị xã Đ1 đồng ý công nhận hiện trạng sử dụng đất hiện nay của bà Phạm Thị N nhưng không được coi như xây dựng thêm công trình (vì diện tích nằm trong quy hoạch làng chài). Nếu sau này giải tỏa thì bà N được tính để bồi thường và hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Bà đã đến Ủy ban nhân dân xã Đ rất nhiều lần đề nghị lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại cho bà, nhưng không được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận nên bà khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã Đ đến Tòa án nhân dân thị xã Đ1. Tòa án nhân dân thị xã Đ1 xử bác đơn khởi kiện của bà nên bà kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã mời các bên đến đối thoại vào ngày 14-11-2014. Tại buổi đối thoại đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ thống nhất trong thời hạn 10 ngày bà nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp lệ cho Ủy ban nhân dân xã Đ, Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận và trình lên cấp trên quyết định. Bà rút đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam ra Quyết định số 22/2014/QĐPT-HC ngày 15-12-2014 hủy bản án sơ thẩm.

Từ năm 2014 cho đến nay bà lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất còn lại cho bà, nhưng Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 không chịu cấp nên bà khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ1. Đến ngày 27-9-2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 ra Quyết định số

16347/QĐ- UBND giải quyết khiếu nại không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích liền kề đối với đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Lý do không cấp là phần đất của bà đang sử dụng nằm trong quy hoạch Làng chài, dự án khu du lịch nghỉ mát và dịch vụ du lịch và phần còn lại nằm trong khu chỉnh trang của khu dân cư dịch vụ du lịch Làng chài Đ.

Bà tiếp tục làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam. Ngày 18-12-2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 4401/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà và giữ nguyên Quyết định số 16347/QĐ-UBND ngày 27-9-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ1.

Qua đo đạc hiện trạng sử dụng (theo trích đo địa chính năm 2016) đã được Ủy ban nhân dân phường Đ xác nhận ngày 19-4-2016, được Sở Tài nguyên & Môi trường phê duyệt ngày 05/5/2016 thì phần diện tích đất bà đang thực tế sử dụng thuộc một phần thửa 464, tờ bản đồ số 1, diện tích 505,5 m². Diện tích đất nói trên bà đang sử dụng và đã làm đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận từ năm 2004 cho đến nay. Phần đất trên không nằm trong diện bị giải tỏa và cũng chưa hề có Quyết định thu hồi đất của ủy ban nhân dân thị xã Đ1. Việc Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 cho rằng khu đất bà đang sử dụng nằm trong quy hoạch để không thực hiện hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tôi là không đúng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà.

Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết bao gồm:

- Hủy Quyết định số 16347/QĐ-UBND ngày 27-9-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị N, trú tại khối phố H, phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Quyết định số 4401/QĐ-UBND ngày 18-12-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị N, trú tại khối phố H, phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất bà Phạm Thị N đang sử dụng.

Tại văn bản số 2346/UBND-NC ngày 09-5-2018 thì ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện- ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện tại phiên tòa như sau:

Ngày 02-10-2017, bà Phạm Thị N gửi đơn đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam với nội dung: khiếu nại ủy ban nhân dân thị xã Đ1 không

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất liền kề thửa đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cụ thể là tăng thêm so với thửa đất số 437/5, tờ bản đồ số 7) và yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã thụ lý và giao Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm tra, xác minh đơn khiếu nại của bà Phạm Thị N tại Quyết định số 3559/QĐ- UBND ngày 05-10-2017; ngày 13-11-2017 Sở Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo số 719/BC-STNMT về kết quả thẩm tra, xác minh đơn khiếu nại của bà Phạm Thị N. Ngày 18-12-2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 4401/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị N, theo đó không công nhận nội dung khiếu nại của bà.

Căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất và các văn bản có liên quan:

- Quyết định số 3415/QĐ-UBND ngày 22-9-2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư dịch vụ - du lịch Làng chài Đ, tại phường Đ, thị xã Đ1;

- Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 19-02-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch và ban hành quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (1/500) khu dân cư dịch vụ- du lịch Làng chài Đ, thị xã Đ1 thì phần diện tích đất bà N khiếu nại thuộc đất khu dân cư dịch vụ- du lịch Làng chài Đ.

- Thông báo số 538/TB-UBND ngày 29-10-2015 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 v/v thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư dịch vụ- du lịch Làng chài Đ tại phường Đ, thị xã Đ1, diện tích dự kiến thu hồi 250.800,8 m².

Từ đó cho thấy phần diện tích đất liền kề thửa đất ở bà Phạm Thị N khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm trong quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư dịch vụ - du lịch Làng chài Đ, thị xã Đ1 tại Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 19-02-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Phần đất này, Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 đã có thông báo số 538/TB- UBND ngày 29-10-2015 về thu hồi và thực hiện công tác đo đạc năm 2016. Do vậy, việc bà Phạm Thị N yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất liền kề thửa đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở xem xét, giải quyết theo quy định tại Khoản 6 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam yêu cầu Hội

đồng xét xử bác nội dung khởi kiện của bà Phạm Thị N đối với yêu cầu hủy Quyết định số 4401/QĐ-UBND ngày 18-12-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Tại văn bản số 689/UBND ngày 27-4-2018 thì ý kiến của người bị kiện - Chủ tịch ủy ban nhân dân thị xã Đ1, Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 và ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện tại phiên tòa như sau:

Sau khi quy hoạch khu dân cư tại khu vực thôn 1, xã Đ, huyện Đ1 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 2729/QĐ-UBND ngày 26-8-2000, Ủy ban nhân dân xã Đ có chủ trương vận động nhân dân góp kinh phí mở đường giao thông nông thôn và phân lô nhu cầu làm nhà ở tại khu vực này. Theo đó, mỗi hộ dân có nhu cầu xin cấp đất ở thì phải nộp ngân sách 02 (hai) triệu đồng để lấy kinh phí làm đường, hộ nào nộp tiền sẽ được cấp 01 lô đất ở (200m²). Hộ dân nộp tiền trực tiếp tại Ban nhân dân thôn 1 và nhận phiếu tạm thu. Sau đó, Ban nhân dân thôn 1 lúc bấy giờ lập bảng kê từng hộ nộp tiền và giao lại bảng kê này cho Ủy ban nhân dân xã Đ. Trên cơ sở danh sách các hộ trong bảng kê mà Ban nhân dân thôn 1 trình lên xã Đ, Ủy ban nhân dân xã viết các biên lai thu tiền từng hộ và làm căn cứ lập thủ tục cấp đất ở cho nhân dân. Biên lai thu tiền này sẽ được trao cho các hộ dân và thu hồi lại phiếu tạm thu mà Ban nhân dân thôn 1 đã đưa cho hộ dân tạm giữ trước đó. Nhưng trong quá trình trao Biên lai thu tiền cho bà Phạm Thị N cho rằng bà có 02 phiếu và đề nghị phải được cấp 02 lô đất. Cụ thể, bà N cung cấp phiếu tạm thu ngày 16-5-2001 và Biên lai thu tiền ngày 27-12-2002, ký hiệu 393306, quyền số 007867. Như vậy, qua xác minh danh sách của Ban nhân dân thôn 1 và hồ sơ lưu giữ của xã Đ (nay là phường Đ) thì bà N chỉ nộp một lần 02 triệu đồng và được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) cấp Giấy CNQSDĐ số Đ031445 ngày 30-12-2003 tại thửa 437/5, tờ bản đồ số 07, diện tích đất 200m² (Xuất phát từ việc bà N cho rằng bà đang có 02 phiếu thu (01 phiếu thu của thôn ngày 16-5-2001, 01 biên lai thu tiền của xã ngày 27-2-2002) nên bà N đề nghị các cơ quan có thẩm quyền cấp cho bà 02 lô đất).

Mặt khác, qua kiểm tra quy hoạch tại Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 19-02-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về phê duyệt quy hoạch và ban hành Quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu dân cư dịch vụ- du lịch Làng Chài Đ và kết quả trích đo địa chính theo hiện trạng phục vụ công tác giải phóng mặt bằng tại khối phố H, phường Đ, thửa đất số 437/5, tờ bản đồ số 07 của hộ bà Phạm Thị N đang sử dụng bị ảnh hưởng hai dự án (đo đạc theo hiện trạng tại thửa 464, tờ bản đồ số 01, diện tích 505,5m²), trong đó:

- Dự án Khu nghỉ mát và dịch vụ du lịch của Công ty I Ltd (diện tích nằm trong quy hoạch được đo đạc theo hiện trạng là 14,7 m²) và Dự án Khu dân cư dịch vụ- du lịch Làng chài Đ (diện tích nằm trong quy hoạch được đo đạc theo hiện trạng là 63,7 m²).

- Phần diện tích còn lại thuộc diện chỉnh trang của dự án Khu dân cư dịch vụ- du lịch Làng chài Đ theo Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 19-02-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (theo đo đạc hiện trạng là 427, 1 m²). Trong phần diện tích 427,1 m² này có: Phần diện tích của thửa đất số 437/5, tờ bản đồ số 7 đã được Ủy ban nhân dân thị xã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phạm Thị N, diện tích 200 m²; phần diện tích còn lại thuộc thửa đất số 437, tờ bản đồ số 7, loại đất rừng trồng do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý.

Việc bà Phạm Thị N khiếu nại đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích liền kề với lô đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cụ thể là tăng thêm diện tích so với thửa đất số 437/5 tờ bản đồ số 7) là không có cơ sở giải quyết.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2018/HC-ST ngày 28-8-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 khoản 2 khoản 3 và khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 6, Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Phạm Thị N đối với các yêu cầu: Hủy Quyết định số 16347/QĐ-UBND ngày 27-9-2017 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam. Hủy Quyết định số 4401/QĐ-UBND ngày 18-12-2017 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam. Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất bà Phạm Thị N đang sử dụng. Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11-9-2018, bà Phạm Thị N kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 32/2018/HCST ngày 28-8-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án, quá trình tố tụng đến nay đã thực hiện đúng

theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị N. Giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2018/HC-ST ngày 28-8-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối tượng khởi kiện là Quyết định số 16347/QĐ-UBND ngày 27-9-2017 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 4401/QĐ-UBND ngày 18-12-2017 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất bà Phạm Thị N đang sử dụng. Căn cứ đơn khởi kiện của bà Phạm Thị N, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý để giải quyết là đúng quy định khoản khoản 1 Điều 30, Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ông Lê Trí Thanh, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ông Trần Thanh Hà đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 ông Phan Minh Dũng vắng mặt. Do đó, Tòa án phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Phạm Thị N cho rằng vào năm 1997 bà nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn L1 và bà Phạm Thị H2 một lô đất có diện tích 505 m² với giá 9,5 chỉ vàng nhưng bà Phạm Thị N không xuất trình được giấy tờ chứng minh hợp pháp. Hơn N, theo sổ địa chính của Ủy ban nhân dân xã Đ cũng không thể hiện có đăng ký sử dụng diện tích đất liền kề thửa đất 437/5, tờ bản đồ số 07 (diện tích 305,5m²) như lời khai của bà N.

[2.2] Theo Bản danh sách của Ban nhân dân thôn 1 và hồ sơ lưu giữ của xã Đ (nay là phường Đ) thì bà N chỉ nộp một lần 02 triệu đồng theo phiếu thu ngày 16-5-2001 và phiếu thu này Ban nhân dân thôn 1 lập bảng kê nộp tiền và giao lại bảng kê này cho Ủy ban nhân dân xã Đ. Điều này, phù hợp với lời trình bày của bà Phạm Thị N - có 01 biên lai thu tiền của Ủy ban nhân dân xã

Đ ngày 27-2-2002. Đồng thời, phù hợp lời khai của người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 khi cho rằng các hộ dân nộp tiền trực tiếp tại Ban nhân dân thôn 1 và nhận phiếu tạm thu. Sau đó, Ban nhân dân thôn 1 lập bảng kê từng hộ nộp tiền và giao lại bảng kê này cho Ủy ban nhân dân thị xã Đ viết Biên lai thu tiền cho các hộ dân. Ngày 30-12-2003, Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ031445 ngày 30-12-2003 tại thửa 437/5, tờ bản đồ số 07, diện tích đất 200m² cho bà Phạm Thị N. Như vậy, lời trình bày của bà Phạm Thị N khi cho rằng bà có 02 phiếu thu ngày 16-5-2001 và ngày 27-12-2002, tổng cộng 4.000.000 đồng là có sự mâu thuẫn, không chính xác.

[2.3] Theo Quyết định số 3415/QĐ-UBND ngày 22-9-2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư dịch vụ - du lịch Làng chài Đ, tại phường Đ, thị xã Đ1. Ngày 19-02-2016 Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt quy hoạch theo Quyết định số 622/QĐ-UBND và ban hành Quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu dân cư dịch vụ- du lịch Làng Chài Đ. Thông báo số 538/TB-UBND ngày 29-10-2015 về thu hồi và thực hiện công tác đo đạc năm 2016. Căn cứ Bản đồ trích đo địa chính thì thửa đất số 437/5, tờ bản đồ số 07 của hộ bà Phạm Thị N đang sử dụng nằm trong các dự án của tỉnh Quảng Nam, cụ thể: Dự án Khu nghỉ mát và dịch vụ du lịch của Công ty I Ltd thì diện tích đất bà Phạm Thị N nằm trong quy hoạch được đo đạc theo hiện trạng là 14,7 m² và Dự án Khu dân cư dịch vụ- du lịch Làng chài Đ, diện tích đất bà Phạm Thị N nằm trong quy hoạch được đo đạc theo hiện trạng là 63,7 m² nên yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất liền kề thửa đất ở của bà Phạm Thị N là không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Thực tế, bà Phạm Thị N đã sử dụng phần diện tích đất liền kề với thửa số 437/5, tờ bản đồ số 07 (diện tích 305,5m²) để trồng cây lâu năm và sử dụng từ năm 1997 cho đến nay. Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 đồng ý công nhận hiện trạng sử dụng đất hiện nay của bà Phạm Thị N nhưng không được cơ sở xây dựng thêm bất cứ công trình nào theo Công văn số 726/UBND ngày 01-9-2010. Bà Phạm Thị N tiếp tục sử dụng diện tích 305,5m² đất cho đến khi nào Ủy ban nhân dân thực hiện theo quy hoạch làng Chài thì được tính để bồi thường và hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị N. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

Bà Phạm Thị N là người có công với cách mạng thuộc trường hợp không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị N. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2018/HC-ST ngày 28-8-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. **Xử:**

Áp dụng khoản 6, Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N đối với các yêu cầu: Hủy Quyết định số 16347/QĐ-UBND ngày 27-9-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam. Hủy Quyết định số 4401/QĐ-UBND ngày 18-12-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam. Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất bà Phạm Thị N đang sử dụng.

2. Về án phí:

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Phạm Thị N được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 07-01-2019./.

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Long

Trương Công Thi

Lê Thúy Cầu